TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ DĨ AN** TỈNH BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập –Tự do –Hạnh phúc**

Bản án số: 175/2025/HS-ST
Ngày 27-5-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Thị Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Văn Cường;

2. Bà Bùi Thị Thúy Lan.

Thư ký phiên toà: Ông Lê Duy Long, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên toà*:** Ông Nguyễn Ngọc Vương, Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 09/2025/TLST-HS ngày 07 tháng 01 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2025/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 01 năm 2025 đối với bị cáo:

Đoàn Văn T, sinh năm 1985 tại tỉnh Phú Yên; thường trú: Số D khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; con ông Đoàn Văn P, sinh năm 1938 (chết) và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1946; bị cáo có vợ tên Trần Thị P1, sinh năm 1988, có 01 con ruột sinh năm 2014;

Tiền án, tiền sự, nhân thân: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/5/2023 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:*

1. Ông Bạch Vũ Phương D, sinh năm 1980; địa chỉ: Số H đường B, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, (vắng mặt);

2. Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1993; địa chỉ: Căn C Chung cư C, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương, (có yêu cầu giải quyết vắng mặt);

3. Ông Phạm Văn T1, sinh năm 1979; địa chỉ: Số C N, khu phố B, phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương, (có yêu cầu giải quyết vắng mặt);

4. Ông Trương Văn N, sinh năm 1984; địa chỉ: Số I khu phố T, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương, (có yêu cầu giải quyết vắng mặt);

5. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1986; địa chỉ: Số I, đường N, khu dân cư P, khu phố Đ, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương, (có yêu cầu giải quyết vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Bà Trần Thị P1, sinh năm 1988; thường trú: Số D, khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương, (có yêu cầu giải quyết vắng mặt);

2. Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1980; thường trú: Số F đường A, khu phố B, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, (có yêu cầu giải quyết vắng mặt);

3. Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1984; địa chỉ: Số F đường A, khu phố B, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, (có yêu cầu giải quyết vắng mặt);

4. Ông Trần Hữu M1, sinh năm 1999; địa chỉ: Ấp B, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai, (vắng mặt);

5. Ông Trương Tiến H2, sinh năm 1998; địa chỉ: Nhà T, đường X, khu phố A, phường T, thành phố B, tỉnh Bình Dương, (vắng mặt);

6. Ông Thái Văn S, sinh năm 1983; địa chỉ: Số C khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương, (có yêu cầu giải quyết vắng mặt);

7. Bà Công Thị Tuyết L1, sinh năm 1977; địa chỉ: Tổ C, cụm E, số G ngõ A A, phường P, quận T, Thành phố Hà Nội, (có yêu cầu giải quyết vắng mặt);

8. Ông Ngô Văn M2, sinh năm 1983; địa chỉ: Nhà T, tổ C khu phố C, thị trấn T, huyện B, tỉnh Bình Dương, (có yêu cầu giải quyết vắng mặt).

9. Bà Nguyễn Thị N1, sinh năm: 1994; địa chỉ: Số E đường N, khu phố A, phường H, thành phố B, tỉnh Bình Dương, (vắng mặt);

10. Bà Nguyễn Thị Hằng N1, sinh năm 1987; địa chỉ: Nhà T, tổ C khu phố C, thị trấn T, huyện B, tỉnh Bình Dương, (vắng mặt);

11. Ông Nguyễn Văn L2, sinh năm 1986; địa chỉ: Số E đường N, khu phố A, phường H, thành phố B, tỉnh Bình Dương, (vắng mặt);

12. Ông Lê Trung T2, sinh năm 1975; địa chỉ: Số D đường Â, phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, (vắng mặt);

13. Bà Trần Thị Phương C1, sinh năm 1978; địa chỉ: P I4 tập thể P, phường P, quận Đ, Thành phố Hà Nội, (có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt);

14. Bà Phạm Thị T3, sinh năm 2000; địa chỉ: Nhà T, đường X, khu phố A, phường T, thành phố B, tỉnh Bình Dương, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 08/5/2023, Công an phường T, thành phố D tiến hành kiểm tra hành chính quán cà phê "Riêng một góc trời" thuộc khu phố Đ, phường T, thành phố D thì phát hiện Đoàn Văn T đang có hành vi dùng 01 giấy chứng nhận quyền sử

dụng đất số DC235901, thửa đất số 896, tờ bản đồ số 04 mang tên Đoàn Văn T, địa chỉ thửa đất tại ấp T, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước để thế chấp cho chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1986; đăng ký HKTT tại số I, đường N, khu dân cư P, phường T, thành phố D, Bình Dương để vay số tiền 120.000.000 đồng (một trăm hai mươi triệu đồng). Tại thời điểm kiểm tra, T đang nhận của chị L số tiền mặt là 18.200.000 đồng (mười tám triệu hai trăm nghìn đồng). Qua làm việc, T khai nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên là giả nên lực lượng Công an phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương lập biên bản bắt người phạm tội quả tang.

Trên cơ sở kết quả điều tra xác định được như sau:

Bị cáo Đoàn Văn T là người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH M3. Do làm ăn thua lỗ và để có tiền trả lương công nhân nên giữa tháng 3/2023 đến ngày 08/5/2023, T sử dụng điện thoại di động hiệu Samsung A 71, số điện thoại 0908319196 màu đen lên trang mạng Googole tìm kiếm người làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả thì tìm được số điện thoại 0849276579 của một người tự xưng là M2 (không rõ nhân thân, lai lịch) nhận làm sổ đỏ giả với giá từ 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) đến 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng), T cung cấp thông tin cá nhân của T và thông tin, vị trí của các thửa đất làm giả rồi gửi cho M2. Tiền công làm giả được trả khi nhận hàng hoặc chuyển qua tài khoản ngân hàng do M2 cung cấp theo số tài khoản 0141015561089 ngân hàng TMCP A (A1). Từ giữa tháng 3 đến ngày 8/5/2023, T đã đặt làm giả 05 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để vay tiền người khác, cụ thể:

Lần thứ nhất: Ngày 23/3/2023, T mang Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả mang tên chủ đất là Đoàn Văn T, sinh năm 1985, HKTT: số D đường T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương, Số CCCD 054085012544, số DH 963250, thửa đất số 400, tờ bản đồ số 11, đất tọa lạc ấp A, xã A, huyện H, Bình Phước (diện tích đất là 202m^2 có số vào sổ cấp GCN: CS 11227 do Phòng Tài nguyên và môi trường tỉnh B cấp vào ngày 07/12/2022 do ông Nguyễn Hữu T4 – Phó Giám đốc văn phòng đăng ký đất đai tỉnh B ký tên) cầm cho anh Bạch Vũ Phương D được 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng), thời hạn cầm là 30 ngày. Sau khi có tiền T đã sử dụng hết tiền vào việc trả nợ lương cho công nhân.

Lần thứ 2: Ngày 25/4/2023, T mang giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả tên chủ đất là Đoàn Văn T, CMND 221091301, đăng ký HKTT: Thôn L, xã X, huyện Đ, Phú Yên; số CD 453808, thửa đất số 2323, tờ bản đồ số 50, đất tọa lạc khu phố T, phường T, thị xã D (nay là thành phố D), tỉnh Bình Dương (diện tích đất là 104,8m^2, số vào sổ cấp GCN: CS 18997 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh B cấp vào ngày 28/9/2016 do ông Phạm Xuân N2 – Phó Giám đốc ký tên) cầm cho anh Nguyễn Văn M với số tiền 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng), thời hạn cầm là 10 ngày và T đã sử dụng hết vào việc trả lương cho công nhân.

Lần thứ 3: Vào ngày 28/4/2023, T mang Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả tên Đoàn Văn T, sinh năm 1985, CMND 281385773, đăng ký HKTT: Thôn L, xã X, huyện Đ, tỉnh Phú Yên; số CT 508262, thửa đất số là 3550, tờ bản

đồ số 24, đất tọa lạc xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương (diện tích đất là 235,2 m^2, số vào sổ cấp GCN: CS 07065 do Phòng Tài nguyên và môi trường tỉnh B cấp vào ngày 13/9/2022 do ông Đinh Chí L3 – Giám đốc văn phòng đăng ký đất đai tỉnh B ký tên) đến tiệm C2, đường N, phường A, thành phố D, cầm cho anh Phạm Văn T1 số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng), thời hạn cầm là 1 tháng. T đã sử dụng hết vào việc làm ăn của công ty.

Lần thứ 4: Ngày 7/5/2023, T mang Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả có thông tin chủ đất là Đoàn Văn T, sinh năm 1985, CMND 281385773, HKTT: Phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương; số DC 235901, thửa đất số 896 tờ bản đồ số 04, địa chỉ thửa đất, ấp T, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước (diện tích đất là 250m^2, sổ đất do Phòng Tài nguyên và môi trường tỉnh B cấp vào ngày 15/12/2022 do ông Nguyễn Hữu T4 – Phó Giám đốc văn phòng đăng ký đất đai tỉnh B ký tên) đến nhà của anh Trương Văn N cầm cho anh N để vay số tiền 174.000.000 đồng (một trăm bảy mươi tư triệu đồng). T đã sử dụng hết vào việc làm ăn của công ty.

Lần thứ 5: Ngày 08/5/2023, T mang Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả, có thông tin chủ đất Đoàn Văn T, sinh năm 1985, CMND 281385773, đăng ký HKTT: Phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương, số DC235901, thửa đất số 896, tờ bản đồ số 04, đất tọa lạc ấp T, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước (diện tích đất là 250m^2, sổ đất do Phòng Tài nguyên và môi trường tỉnh B cấp vào ngày 15/12/2022 do ông Nguyễn Hữu T4 – Phó Giám đốc văn phòng đăng ký đất đai tỉnh B kí tên) liên hệ để thế chấp cho chị Nguyễn Thị L nhằm vay số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) thì chị L đồng ý và hẹn gặp mặt giao nhận tiền tại quán C3 thuộc khu phố Đ, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Khoảng 20 giờ 00 cùng ngày, tại quán cà phê Riêng Một G, T yêu cầu chị L tăng lên số tiền thế chấp là 120.000.000 đồng (một trăm hai mươi triệu đồng), thời hạn thế chấp là 03 tháng, chị L đồng ý và yêu cầu T viết giấy vay tiền, chị L giao trước cho T số tiền 18.200.000 đồng (mười tám triệu hai trăm nghìn đồng), số tiền còn lại sẽ giao sau. Sau khi T viết giấy vay nợ số tiền 120.000.000 đồng (một trăm hai mươi triệu đồng), chị L đưa trước số tiền 18.200.000 đồng cho T thì ngay lúc này bị Công an phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương vào kiểm tra và lập biên bản bắt người phạm tội quả tang. Tại đây, Đoàn Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Tổng giá trị tài sản mà Đoàn Văn T đã chiếm đoạt của anh Bạch Vũ Phương D, anh Nguyễn Văn M, anh Phạm Văn T1, anh Trương Văn N và chị Nguyễn Thị L là 342.200.000 đồng (ba trăm bốn mươi hai triệu hai trăm ngàn đồng) và làm giả 05 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Vật chứng thu giữ:

- 01 (một) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả tên chủ đất là Đoàn Văn T, sinh năm 1985, CMND 221091301, HKTT: Thôn L, xã X, huyện Đ, tỉnh Phú Yên; CD 453808; thông tin trong sổ gồm: số thửa đất 2323 tờ bản đồ số 50, địa chỉ thửa đất là khu phố T, phường T, thị xã D, tỉnh Bình Dương (diện tích đất là 104,8m^2, số vào sổ cấp GCN: CS 18997 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh B cấp vào ngày 28/9/2016 do ông Phạm Xuân N2 – Phó Giám đốc ký tên).

- 01 (một) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả mang tên chủ đất là Đoàn Văn T, sinh năm 1985, HKTT: Số D đường T, phường T, thành phố D, Bình Dương, Số CCCD: 054085012544; DH 963250; đất thuộc thửa số 400 tờ bản đồ số 11, địa chỉ thửa đất là ấp A, xã A, huyện H, Bình Phước (diện tích đất là 202m^2; số vào sổ cấp GCN: CS 11227 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh B cấp vào ngày 07/12/2022 do ông Nguyễn Hữu T4 – Phó Giám đốc văn phòng đăng ký đất đai tỉnh B ký tên).

- 01 (một) Giấy chứng nhận sử dụng đất giả tên Đoàn Văn T, sinh năm 1985, CMND 281385773, HKTT: Phường T, thị xã D, tỉnh Bình Dương; có số CT 508262; thông tin trong sổ gồm: Thửa đất là 355 tờ bản đồ số 24, địa chỉ thửa đất xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương (diện tích đất là 235,2 m^2, số vào sổ cấp GCN: CS 07065 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh B cấp vào ngày 13/9/2022 do ông Đinh Chí L3 – Giám đốc chi nhánh V đăng ký đất đai huyện D ký tên).

- 02 (hai) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả có thông tin chủ đất là Đoàn Văn T, sinh năm 1985, CMND 281385773, HKTT: Phường T, thành phố D, Bình Dương; số DC 235901, thửa đất 896 tờ bản đồ số 04, địa chỉ thửa đất là ấp T, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước (diện tích đất là 250m^2 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh B cấp vào ngày 15/12/2022 do ông Nguyễn Hữu T4 – Phó Giám đốc văn phòng đăng ký đất đai tỉnh B ký tên).

- 01 (một) hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất ngày 23/3/2023 giữa T và anh Bạch Vũ Phương D;

- 01 (một) Giấy mượn tiền đề ngày 08/5/2023 T vay mượn chị Nguyễn Thị L số tiền 120.000.000 đồng;

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung A71 màu đen, sim điện thoại số 0908319196.

Theo kết luận giám định số 246/KL- KTHS ngày 13/6/2023 của Phòng K - Công an tỉnh B kết luận. Năm (05) "Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất" số: CD 453808, CT 508262, DC 235901, DH 963250 cần giám định (ký hiệu từ A1 đến A) là giả.

Theo Kết luận giám định số 2375/KL-KTHS (TL) ngày 18/6/2024 của Phòng K - Công an tỉnh B kết luận. Chữ viết mang tên "Công Thị Tuyết Lan" trên "Hợp đồng mở, sử dụng tài khoản thanh toán, kiêm phiếu đăng ký thông tin, đăng ký dịch vụ kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ (áp dụng cho KHCN và các tổ chức khác không có tư cách pháp nhân)", mã KH 118669927, đề ngày 25/12/2020 (ký hiệu A) so với chữ viết của Công Thị Tuyết L1, sinh năm 1977, HKTT: Phường P, quận T, Thành phố Hà Nội trên "Bản tự khai/Bản tường trình", đề ngày 06/9/2023 (ký hiệu M) không phải do cùng một người viết ra.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại không có ý kiến hay khiếu nại gì về Kết luận giám định số 246/KL- KTHS ngày 13/6/2023 và Kết luận giám định số 2375/KL-KTHS (TL) ngày 18/6/2024 của Phòng K - Công an tỉnh B.

Đối với chị Trần Thị P1, sinh năm 1988, (vợ của bị cáo T) không biết việc

bị cáo T làm giả giấy tờ để thực hiện hành vi "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", việc chị P1 ký tên vào Hợp đồng vay tiền đề ngày 23/3/2023, giữa bị cáo T và anh Bạch Vũ Phương D là do bị cáo T nói dối chị P1 là bị cáo T góp vốn với bạn mua 01 lô đất mà giấu chị P1, nay cần tiền nên mang thế chấp nên chị P1 tin và đồng ý ký tên vào Hợp đồng vay tiền. Do đó, hành vi của chị P1 không có dấu hiệu đồng phạm với bị cáo Đoàn Văn T nên không có căn cứ xử lý.

Đối với tên M2 (chưa rõ nhân thân, lai lịch) làm giả giấy chứng nhận quyền sử đụng đất cho bị cáo T, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D, tỉnh Bình Dương tiếp tục xác minh làm rõ, khi có đủ căn cứ sẽ xử lý sau.

Tại Cáo trạng số: 52/CT-VKS ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương truy tố Đoàn Văn T về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" theo điểm a khoản 3 Điều 174 và điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An trong phần tranh luận giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Đoàn Văn T về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174 và điểm b khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 để xử phạt bị cáo Đoàn Văn T từ 08 (tám) năm đến 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và xử phạt từ 04 (bốn) năm đến 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức", đồng thời áp dụng điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, tổng hợp hình phạt của 02 tội danh từ 12 (mười hai) năm đến 13 (mười ba) năm tù.

Xử lý vật chứng:

- 01 (một) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả tên chủ đất là Đoàn Văn T, sinh năm 1985, CMND 221091301, HKTT: Thôn L, xã X, huyện Đ, tỉnh Phú Yên; CD 453808; thông tin trong sổ gồm: số thửa đất 2323 tờ bản đồ số 50, địa chỉ thửa đất là khu phố T, phường T, thị xã D, tỉnh Bình Dương (diện tích đất là 104,8m^2, số vào sổ cấp GCN: CS 18997 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh B cấp vào ngày 28/9/2016 do ông Phạm Xuân N2 – Phó Giám đốc ký tên).

- 01 (một) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả mang tên chủ đất là Đoàn Văn T, sinh năm 1985, HKTT: Số D đường T, phường T, thành phố D, Bình Dương, Số CCCD: 054085012544; DH 963250; đất thuộc thửa số 400 tờ bản đồ số 11, địa chỉ thửa đất là ấp A, xã A, huyện H, Bình Phước (diện tích đất là 202m^2; số vào sổ cấp GCN: CS 11227 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh B cấp vào ngày 07/12/2022 do ông Nguyễn Hữu T4 – Phó Giám đốc văn phòng đăng ký đất đai tỉnh B ký tên).

- 01 (một) Giấy chứng nhận sử dụng đất giả tên Đoàn Văn T, sinh năm 1985, CMND 281385773, HKTT: Phường T, thị xã D, tỉnh Bình Dương; có số CT 508262; thông tin trong sổ gồm: Thửa đất là 355 tờ bản đồ số 24, địa chỉ thửa đất xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương (diện tích đất là 235,2 m^2, số vào sổ cấp

GCN: CS 07065 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh B cấp vào ngày 13/9/2022 do ông Đinh Chí L3 – Giám đốc chi nhánh V đăng ký đất đai huyện D ký tên).

- 02 (hai) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả có thông tin chủ đất là Đoàn Văn T, sinh năm 1985, CMND 281385773, HKTT: Phường T, thành phố D, Bình Dương; số DC 235901, thửa đất 896 tờ bản đồ số 04, địa chỉ thửa đất là ấp T, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước (diện tích đất là 250m^2 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh B cấp vào ngày 15/12/2022 do ông Nguyễn Hữu T4 – Phó Giám đốc văn phòng đăng ký đất đai tỉnh B ký tên).

- 01 (một) hợp đồng thế chấp vay tiền ngày 23/3/2023 giữa bị cáo T và anh Bạch Vũ Phương D;

- 01 (một) Giấy mượn tiền đề ngày 08/5/2023 bị cáo T vay mượn chị Nguyễn Thị L số tiền 120.000.000 đồng;

Các vật chứng trên là chứng cứ của vụ án nên cần lưu hồ sơ vụ án.

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung A71 màu đen đề nghị tịch thu sung Ngân sách nhà nước, đối với sim điện thoại số 0908319196 đề nghị tịch thu tiêu hủy.

Về trách nhiệm dân sự:

- Anh Bạch Vũ Phương D yêu cầu bị cáo Đoàn Văn T hoàn trả lại số tiền đã bị chiếm đoạt là 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng).

- Anh Nguyễn Văn M yêu cầu bị cáo T hoàn trả lại số tiền đã bị chiếm đoạt là 80.000.000 đồng.

- Anh Phạm Văn T1 yêu cầu bị cáo Đoàn Văn T hoàn trả lại số tiền đã bị chiếm đoạt là 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).

- Anh Trương Văn N yêu cầu bị cáo Đoàn Văn T trả lại số tiền đã bị chiếm đoạt là 174.000.000 đồng (một trăm bảy mươi bốn triệu đồng).

- Chị Nguyễn Thị L đã nhận lại đủ số tiền bị chiếm đoạt là 18.200.000 đồng nên không yêu cầu gì.

Tại phiên tòa, bị cáo đồng ý bồi thường cho cácbị hại nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện bồi thường của bị cáo đối với bị hại.

Trước khi Hội đồng xét xử nghị án, bị cáo không có ý kiến tranh luận với Viện kiểm sát về điều luật áp dụng, khung hình phạt, xử lý vật chứng và về trách nhiệm dân sự đồng thời các bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố D, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa,

bị cáo, bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Căn cứ vào lời khai của bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, kết quả giám định và các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, xác định: Khoảng tháng 3/2023 đến ngày 08/5/2023, Đoàn Văn T cung cấp thông tin cá nhân và thông tin thửa đất rồi thuê tên M2 (chưa rõ nhân thân, lai lịch) làm giả 05 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau khi nhận được 05 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả, bằng thủ đoạn gian dối đưa ra thông tin không đúng sự thật trong việc sử dụng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả từ đó bị cáo T đã tạo được lòng tin đối với các bị hại để cầm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả nhằm chiếm đoạt tài sản của họ, cụ thể: Bị cáo T đã chiếm đoạt của anh D số tiền 60.000.000 đồng, chiếm đoạt của anh M số tiền 80.000.000 đồng, chiếm đoạt của anh T1 số tiền 10.000.000 đồng, chiếm đoạt của anh N số tiền 174.000.000 đồng.

Đối với bị hại Nguyễn Thị L, T mang giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả, số DC235901, thửa đất số 896, tờ bản đồ số 04, địa chỉ thửa đất: Ấp T, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước liên hệ để thế chấp cho chị Nguyễn Thị L để vay số tiền 120.000.000 đồng. Tuy nhiên, chị L mới đưa trước cho T số tiền 18.200.000 đồng thì bị Công an phường T bắt quả tang. Vì vậy, số tiền T chiếm đoạt của bị hại L là 18.200.000 đồng. Tổng số tiền Đoàn Văn T chiếm đoạt của các bị hại là 342.200.000 đồng (ba trăm bốn mươi hai triệu hai trăm nghìn đồng).

[3] Như vậy, hành vi trên của bị cáo Đoàn Văn T đã đủ yếu tố cấu thành tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức" được quy định tại điểm a khoản 3 điều 174 và điểm b khoản 3 điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Do đó, Cáo trạng số: 52/CT – VKS ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương và kết luận của Kiểm sát viên truy tố bị cáo Đoàn Văn T về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 và điểm b khoản 3 Điều 341 của Bộ luật Hình sự 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật; bị cáo hoàn toàn đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự.

[4] Tính chất, mức độ của hành vi: Tội phạm do bị cáo thực hiện là rất nghiêm trọng đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của bị hại được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương đồng thời xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính Nhà nước. Về nhận thức bị cáo hoàn toàn biết hành vi nhận tài sản của bị hại rồi cầm cố lấy tiền tiêu xài và sử dụng tài liệu của cơ quan tổ chức là trái pháp luật nhưng vì lòng tham, muốn kiếm tiền nhanh chóng không phải lao động để phục vụ nhu cầu bản thân mà bị cáo cố tình thực hiện. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo với mức án tương xứng với tính chất mức độ tội phạm đã thực hiện, có xét đến các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo, đủ để giáo dục, cải tạo bị cáo và có tác dụng đấu tranh phòng ngừa chung.

[5] Tình tiết tặng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội nhiều lần thuộc điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Đoàn Văn T là người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH M3. Mặc dù bị cáo thực hiện hành vi phạm tội 05 lần liên tiếp, nhưng bị cáo có nghề nghiệp ổn định và không sử dụng tiền do phạm tội mà có vào sử dụng làm nguồn sống, sinh hoạt cho gia đình nên HĐXX không áp dụng tình tiết tăng nặng phạm tội có tính chất chuyên nghiệp theo điểm b khoản 1 Điều 52 BLHS.

[6] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[7] Về nhân thân: Bị cáo là người chưa có tiền án, tiền sự và là người lao động.

[8] Về hình phạt:

- Hình phạt chính: Xét bị cáo phạm tội rất nghiêm trọng, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của bị hại được pháp luật bảo vệ và trật tự quản lý hành chính Nhà nước, bị cáo chưa khắc phục hậu quả, bồi thường thiệt hại cho bị hại. Đồng thời hành vi của bị cáo ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương, vì vậy Hội đồng xét xử quyết định áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ để giáo dục, cải tạo bị cáo thành công dân có ích cho gia đình, xã hội và có tác dụng đấu tranh, phòng ngừa chung.

- Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 *"Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản"* và theo khoản 4 Điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 "*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng*". Tuy nhiên, áp dụng hình phạt tù cũng đủ sức răn đe, giáo dục bị cáo nên Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[9] Về xử lý vật chứng:

- 01 (một) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả tên chủ đất là Đoàn Văn T, sinh năm 1985, CMND 221091301, HKTT: Thôn L, xã X, huyện Đ, tỉnh Phú Yên; CD 453808; thông tin trong sổ gồm: số thửa đất 2323 tờ bản đồ số 50, địa chỉ thửa đất là khu phố T, phường T, thị xã D, tỉnh Bình Dương (diện tích đất là 104,8m^2, số vào sổ cấp GCN: CS 18997 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh B cấp vào ngày 28/9/2016 do ông Phạm Xuân N2 – Phó Giám đốc ký tên).

- 01 (một) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả mang tên chủ đất là Đoàn Văn T, sinh năm 1985, HKTT: Số D đường T, phường T, thành phố D, Bình Dương, Số CCCD: 054085012544; DH 963250; đất thuộc thửa số 400 tờ bản đồ

số 11, địa chỉ thửa đất là ấp A, xã A, huyện H, Bình Phước (diện tích đất là 202m^2; số vào sổ cấp GCN: CS 11227 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh B cấp vào ngày 07/12/2022 do ông Nguyễn Hữu T4 – Phó Giám đốc văn phòng đăng ký đất đai tỉnh B ký tên).

- 01 (một) Giấy chứng nhận sử dụng đất giả tên Đoàn Văn T, sinh năm 1985, CMND 281385773, HKTT: Phường T, thị xã D, tỉnh Bình Dương; có số CT 508262; thông tin trong sổ gồm: Thửa đất là 355 tờ bản đồ số 24, địa chỉ thửa đất xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương (diện tích đất là 235,2 m^2, số vào sổ cấp GCN: CS 07065 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh B cấp vào ngày 13/9/2022 do ông Đinh Chí L3 – Giám đốc chi nhánh V đăng ký đất đai huyện D ký tên).

- 02 (hai) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả có thông tin chủ đất là Đoàn Văn T, sinh năm 1985, CMND 281385773, HKTT: Phường T, thành phố D, Bình Dương; số DC 235901, thửa đất 896 tờ bản đồ số 04, địa chỉ thửa đất là ấp T, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước (diện tích đất là 250m^2 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh B cấp vào ngày 15/12/2022 do ông Nguyễn Hữu T4 – Phó Giám đốc văn phòng đăng ký đất đai tỉnh B ký tên).

- 01 (một) hợp đồng thế chấp vay tiền ngày 23/3/2023 giữa bị cáo T và anh Bạch Vũ Phương D;

- 01 (một) Giấy mượn tiền đề ngày 08/5/2023 bị cáo T vay mượn chị Nguyễn Thị L số tiền 120.000.000 đồng;

Là những vật chứng của vụ án nên tịch thu lưu hồ sơ.

* Đối với 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung A71 màu đen bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung Ngân sách nhà nước; đối với sim điện thoại số 0908319196 cần tịch thu tiêu hủy.

[10] Về trách nhiệm dân sự:

- Bị hại Bạch Vũ Phương D yêu cầu bị cáo Đoàn Văn T phải bồi thường số tiền bị chiếm đoạt là 60.000.000 đồng, (sáu mươi triệu đồng);

- Bị hại Nguyễn Văn M yêu cầu bị cáo Đoàn Văn T phải bồi thường số tiền bị chiếm đoạt là 80.000.000 đồng, (tám mươi triệu đồng);

- Bị hại Phạm Văn T1 yêu cầu bị cáo Đoàn Văn T phải bồi thường số tiền bị chiếm đoạt là 10.000.000 đồng (mười triệu đồng);

- Bị hại Trương Văn N yêu cầu bị cáo Đoàn Văn T phải bồi thường số tiền bị chiếm đoạt là 174.000.000 đồng (một trăm bảy mươi bốn triệu đồng).

Tại phiên tòa, bị cáo đồng ý bồi thường cho các bị hại trên nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện bồi thường của bị cáo đối với các bị hại D, M, T1 và N.

- Đối với bị hại Nguyễn Thị L đã nhận lại đủ số tiền bị chiếm đoạt nên không yêu cầu gì, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[11] Đối với chị Trần Thị P1, sinh năm 1988, (vợ của bị cáoTrường) không biết việc bị cáo T làm giả giấy tờ để thực hiện hành vi "Lừa đảo chiếm đoạt tài

sản", việc chị P1 ký tên vào Hợp đồng vay tiền đề ngày 23/3/2023, giữa bị cáo T và anh Bạch Vũ Phương D là do bị cáo T nói dối chị P1 góp vốn với bạn mua 01 lô đất mà giấu chị P1, nay cần tiền mang thế chấp nên chị P1 tin và đồng ý ký tên vào Hợp đồng vay tiền. Do đó, hành vi của chị P1 không có dấu hiệu đồng phạm với bị cáo Đoàn Văn T nên không có căn cứ xử lý.

[12] Đối với tên M2 (chưa rõ nhân thân, lai lịch) làm giả giấy chứng nhận quyền sử đụng đất cho bị cáo T, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D, tỉnh Bình Dương tiếp tục xác minh làm rõ, khi có đủ căn cứ sẽ xử lý sau.

[13] Quá trình tố tụng, bị cáo khai đã chuyển khoản tiền mua giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả vào tài khoản số 0141015561089 ngân hàng TMCP A (A1) của bà Công Thị Tuyết L1. Tuy nhiên, bà L1 khai không mở tài khoản số 0141015561089 ngân hàng TMCP A (A1), cũng không biết bị cáo Đoàn Văn T là ai. Đồng thời, kết luận số 2375/KL-KTHS (TL) ngày 18/6/2024 của Phòng K - Công an tỉnh B kết luận: Chữ viết mang tên "Công Thị Tuyết Lan" trên "Hợp đồng mở, sử dụng tài khoản thanh toán, kiêm phiếu đăng ký thông tin, đăng ký dịch vụ kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ (áp dụng cho KHCN và các tổ chức khác không có tư cách pháp nhân)", mã KH 118669927, đề ngày 25/12/2020 (ký hiệu A) so với chữ viết của Công Thị Tuyết L1, sinh năm 1977, HKTT: Phường P, quận T, Thành phố Hà Nội trên "Bản tự khai/Bản tường trình", đề ngày 06/9/2023 (ký hiệu M) không phải do cùng một người viết ra. Vì vậy, không có căn cứ xử lý bà Công Thị Tuyết L1 là phù hợp.

[14] Xét đề nghị Viện kiểm sát về tội danh, điều luật áp dụng, khung hình phạt, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo, xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[15] Án phí sơ thẩm: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội khoá 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Đoàn Văn T phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức".

1.1 Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Đoàn Văn T 09 (chín) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

1.2 Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo Đoàn Văn T 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức".

1.3 Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tổng hợp hình phạt cả 02 tội, buộc bị cáo Đoàn Văn T phải chấp hành hình phạt chung là 13 (mười ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 08/5/2023.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và các Điều 468, Điều 584, Điều 585, Điều 589 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

Buộc bị cáo Đoàn Văn T bồi thường cho các bị hại, cụ thể như sau:

+ Bồi thường cho bị hại Bạch Vũ Phương D 60.000.000đ (sáu mươi triệu) đồng;

+ Bồi thường cho bị hại Nguyễn Văn M 80.000.000đ (tám mươi triệu) đồng;

+ Bồi thường cho bị hại Phạm Văn T1 10.000.000đ (mười triệu đồng);

+ Bồi thường cho bị hại Trương Văn N 174.000.000đ (một trăm bảy mươi bốn triệu đồng).

Kể từ ngày người được yêu cầu thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành án thì phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46 và điểm a, b, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

- Tịch thu tiêu hủy đối với 01 sim điện thoại số 0908.319.196.

- Tịch thu sung ngân sách Nhà nước 01 điện thoại Samsung A71 màu đen.

(Theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 28/12/2023 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D với Chi cục thi hành án dân sự thành phố Dĩ An).

4. Về án phí sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội khoá 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Bị cáo Đoàn Văn T phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 16.200.000 (mười sáu triệu hai trăm ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bị cáo có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- VKSND thành phố Dĩ An;
- Công an tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THA dân sự thành phố Dĩ An;
- Phân trại tạm giam khu vực Thành phố Dĩ An**;**
- TAND tỉnh BD;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- UBND nơi bị cáo cư trú;
- Phòng PV 27 CA tỉnh BD;
- Phòng PC 81 CA tỉnh BD;
- Người tham gia tố tụng;
- Sở tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Lưu: VT, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Hồng